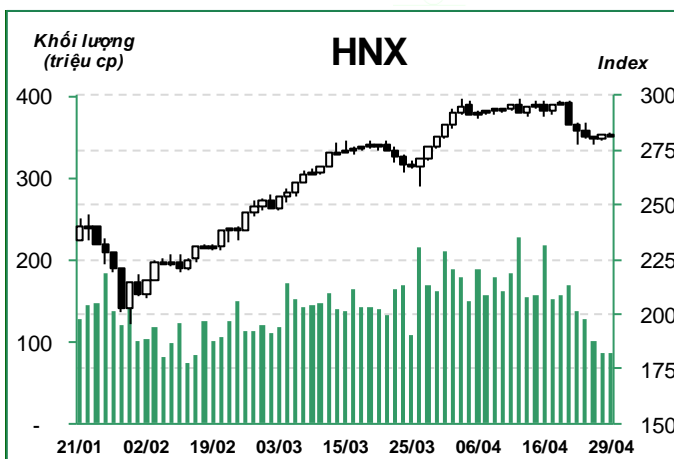
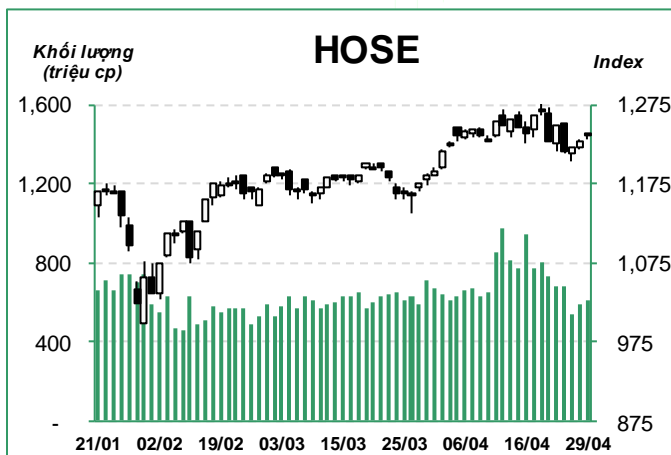


Tổng quan thị trường

29/04/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,239.39	0.80%	1,312.28	1.41%	281.75	-0.11%
Cuối tuần trước	1,248.53	-0.73%	1,301.39	0.84%	283.63	-0.66%
Trung bình 20 ngày	1,241.25	-0.15%	1,277.40	2.73%	290.11	-2.88%
Tổng KLGD (triệu cp)	647.06	5.61%	256.37	19.32%	121.40	25.28%
KLGD khớp lệnh	614.23	4.20%	242.34	17.13%	85.14	-0.71%
Trung bình 20 ngày	730.18	-15.88%	219.85	10.23%	155.33	-45.19%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	19,297.05	25.22%	11,836.97	33.00%	2,397.04	19.70%
GTGD khớp lệnh	18,090.62	26.98%	11,348.31	33.93%	1,710.90	0.35%
Trung bình 20 ngày	17,240.42	4.93%	9,415.16	20.53%	2,730.59	-37.34%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	220	50%	20	67%	87	24%
Số mã giảm	167	38%	10	33%	124	34%
Số mã đứng giá	53	12%	0	0%	155	42%



Thị trường tăng điểm hưng phấn trong phiên giao dịch cuối cùng ngay trước kỳ nghỉ lễ. Điểm nhấn của thị trường hôm nay đến vào phiên ATC khi mà các quỹ ETF nội cơ cấu lại danh mục định kỳ với một loạt các cổ phiếu ngân hàng tăng giá mạnh cùng khối lượng tăng cao. Với phiên tăng này, VN-Index đã lấy lại phần lớn số điểm đã mất trong phiên giao dịch đầu tuần và có cơ hội để tiếp tục nhích tăng sau kỳ nghỉ lễ khi tín hiệu dòng tiền cũng sôi động trở lại.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa cao nhất phiên tại mức 1,239.39 điểm (+0.80%). KLGD khớp lệnh đạt 614.2 triệu cổ phiếu (+4.2%), tương đương 18,091 tỷ đồng giá trị (+27.0%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua khi toàn sản ghi nhận 220 mã tăng so với 167 mã giảm.

Động lực kéo điểm cho chỉ số hôm nay là nhóm ngân hàng với tâm điểm là phiên tăng kịch trần với thanh khoản cao kỷ lục của VPBank-VPB (+6.4%) sau khi ngân hàng này có thông tin bán vốn FE Credit cho Tập đoàn Tài chính Sumitomo Mitsui. Cùng với đó là một loạt các cổ phiếu ngân hàng khác như Vietinbank-CTG (+2.6%), Vietcombank-VCB (+1.0%), Techcombank-TCB (+2.6%) cũng được mua vào khá tích cực. Ngoài ra, lực cầu cũng hướng đến một số cổ phiếu bluechips khác có kết quả kinh doanh quý 1 khả quan như Hòa Phát-HPG (+3.8%), Novaland-NVL (+2.7%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+3.0%) hay Cơ Điện Lạnh REE-REE (+5.1%). Ở chiều ngược lại, Vinhomes-VHM (-1.6%), Sabeco-SAB (-1.6%), Masan-MSN (-1.0%) và Vingroup-VIC (-0.4%) gây áp lực chính cho chỉ số.

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trở lại trên sàn HoSE với giá trị 396.7 tỷ đồng. Lực bán chủ yếu đến từ động thái chốt lời của cổ phiếu VPBank-VPB (-586.2 tỷ). Bên cạnh đó, khối ngoại cũng miệt mài bán ròng Vinamilk-VNM (-216.4 tỷ). Ở

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TPB	9,536.0	256.06
AGG	1,911.0	80.24
EIB	2,948.0	79.17
ACB	1,654.0	57.33
PNJ	576.0	56.45
VHM	498.9	49.88
SSI	1,500.0	45.00
SAB	241.9	40.30
DBD	763.0	33.13
DPR	705.0	32.43
HNX		
NVB	29,999.0	509.98
SHB	4,140.0	114.35
SGC	350.0	31.50
DIH	500.0	11.80
IDV	99.0	5.99
TMC	452.6	5.70
HUT	530.0	3.02
DDG	64.6	2.00
PPE	62.6	0.83
QST	43.4	0.43

chiều ngược lại, khối này tập trung mua ròng Hòa Phát-HPG (+113.2 tỷ), Novaland-NVL (+58.9 tỷ) và Vietcombank-VCB (+44.9 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index vẫn đang duy trì trạng thái giằng co khi đóng cửa giảm nhẹ xuống mức 281.75 điểm (-0.11%). KLGD khớp lệnh đạt 85.1 triệu cổ phiếu (-0.7%), tương đương 1,710.9 tỷ đồng giá trị (+0.4%).

Do không được ủng hộ bởi yếu tố dòng tiền, các cổ phiếu trên sàn HNX nhìn chung giao dịch khá ảm đạm. Hàng loạt cổ phiếu đóng cửa giảm sâu với thanh khoản thấp gây áp lực cho chỉ số như Điện lực TKV-DTK (-7.6%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (-0.8%), Nhựa Đồng Nai-DNP (-4.2%), Vận tải ngoại thương-VNT (-10.0%). Ở chiều ngược lại, mức tăng điểm của một số trụ cột như Tập đoàn CEO-CEO (+6.1%), Chứng khoán VNDIRECT-VND (+1.4%), Dầu khí PTSC-PVS (+1.0%) không đủ để giúp HNX-Index lấy lại sắc xanh vào cuối phiên.

Có diễn biến trái ngược, khối ngoại lại gia tăng mua ròng trên sàn HNX trong phiên hôm nay, với giá trị 16.1 tỷ đồng (+593.6%). Với những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Thaiholdings-THD (+16.8 tỷ), Tập đoàn Khoáng sản Á Cường-ACM (+3.4 tỷ), Vicostone-VCS (+0.9 tỷ). Trái lại, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-4.9 tỷ), Chứng khoán MB-MBS (-1.0 tỷ), Đầu tư Nhà Đất Việt-PVL (-0.7 tỷ)

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch tuy vẫn ở dưới bình quân 10 và 20 phiên nhưng gia tăng dần ở các phiên gần đây, hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường có dấu hiệu cải thiện. Không những vậy, chỉ số đang có sự chuyển biến tích cực về mặt xu hướng, khi chỉ số thoát khỏi áp lực từ MA20, cùng với +DI cắt lên -DI, cho thấy đà phục hồi đang mạnh dần lên. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể tiếp tục hướng lên thử thách vùng kháng cự quanh 1,280 – 1,285 điểm (đỉnh cũ). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến kém tích cực hơn. Chỉ số có phiên giảm điểm trở lại và duy trì đóng cửa dưới MA20, cùng với MACD hướng xuống dưới Signal duy trì tín hiệu bán, cho thấy chỉ số có thể vẫn chưa thoát khỏi áp lực điều chỉnh ngắn hạn với ngưỡng hỗ trợ gần quanh vùng 273 điểm (MA50). Nhìn chung, phiên tăng điểm ngày 29/4 cho thấy đà phục hồi của thị trường đang có dấu hiệu cải thiện. Do đó, nhà đầu tư có thể cần nhắc nhở một số vị thế mua thăm dò với tỷ trọng nhỏ vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DCL	30.8	1,319.7	6.9%
RIC	20.8	122.6	6.9%
FUCTVGF1	12.4	0.1	6.9%
HSL	7.3	264.8	6.9%
TIX	31.0	0.1	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ABS	65.0	10.9	-6.9%
TGG	3.8	1,598.9	-6.3%
PXT	2.5	426.4	-5.7%
EVG	11.8	1,006.7	-5.6%
DAT	25.0	1.1	-5.3%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	58.5	2,341.4	6.4%
HPG	58.1	1,611.6	3.8%
STB	23.9	955.0	-1.2%
TCB	41.0	738.2	2.6%
VNM	93.5	602.3	-0.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	58.5	41,536.0	6.4%
STB	23.9	39,661.4	-1.2%
FLC	11.1	30,480.2	0.0%
HPG	58.1	27,877.7	3.8%
LPB	21.5	23,814.4	5.1%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NAP	10.0	1.5	9.9%
SVN	4.5	120.1	9.8%
CLM	32.9	1.0	9.7%
VIE	10.5	4.6	9.4%
THS	15.2	13.0	9.4%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VNT	72.1	4.6	-10.0%
HEV	13.7	1.1	-9.9%
HJS	32.0	1.0	-9.9%
GDW	32.0	0.1	-9.9%
VE8	7.5	0.2	-9.6%

Top 5 giá trị

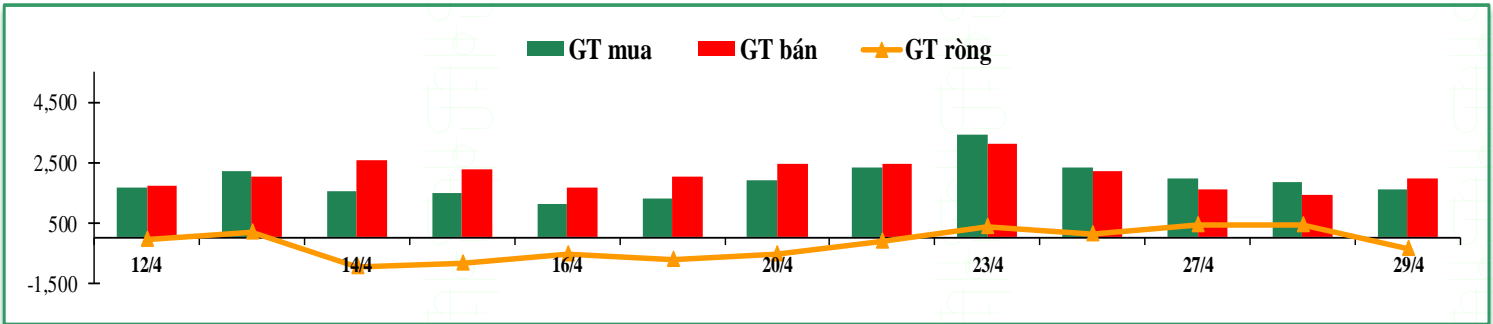
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVB	16.9	589.0	0.0%
SHB	27.4	513.1	0.0%
THD	187.3	240.4	0.1%
VND	36.2	165.3	1.4%
SHS	27.4	125.0	0.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NVB	16.9	34,671.2	0.0%
SHB	27.4	18,776.3	0.0%
ACM	3.8	5,812.6	5.6%
KLF	5.5	5,740.4	-3.5%
VND	36.2	4,559.4	1.4%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,546.5	8.0%	1,943.2	10.1%	-396.7
HNX	63.9	2.7%	47.7	2.0%	16.1
Tổng số	1,610.4		1,990.9		-380.6



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	58.1	187.5	3.8%
VIC	131.0	138.1	-0.4%
NVL	131.4	125.7	2.7%
VHM	99.3	110.0	-1.6%
VRE	32.0	106.2	1.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	58.5	597.3	6.4%
VNM	93.5	312.2	-0.2%
VHM	99.3	151.6	-1.6%
VIC	131.0	128.3	-0.4%
HPG	58.1	74.2	3.8%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	58.1	113.2	3.8%
NVL	131.4	58.9	2.7%
VCB	100.0	44.9	1.0%
VRE	32.0	43.9	1.6%
HDB	27.3	43.6	1.5%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	187.3	51.3	0.1%
VND	36.2	4.0	1.4%
ACM	3.8	3.6	5.6%
VCS	90.0	0.9	0.8%
TIG	13.9	0.4	-0.7%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	187.3	34.5	0.1%
SHB	27.4	4.9	0.0%
VND	36.2	3.8	1.4%
MBS	23.4	1.0	1.7%
PVL	3.6	0.7	0.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	187.3	16.8	0.1%
ACM	3.8	3.4	5.6%
VCS	90.0	0.9	0.8%
TIG	13.9	0.4	-0.7%
CVN	10.0	0.4	2.0%

Tin trong nước

5,5 tỷ USD vốn FDI được giải ngân trong 4 tháng, tăng gần 7%

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 vừa được công bố của Tổng cục Thống kê, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần giảm 0,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 12,25 tỷ USD tính đến ngày 20/4. Vốn FDI thực hiện ước đạt 5,5 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ 2020.

Long An tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu cả nước về thu hút FDI với tổng vốn đăng ký gần 3,3 tỷ USD, chiếm 26,9% tổng vốn đầu tư đăng ký. Cần Thơ xếp thứ hai với tổng vốn đăng ký hơn 1,3 tỷ USD. TP HCM ở vị trí thứ 3 với hơn 1,1 tỷ USD tổng vốn đăng ký.

Ở chiều ngược lại, tổng vốn đầu tư tăng thêm và cấp mới của Việt Nam ra nước ngoài trong 4 tháng đạt 545,9 triệu USD, gấp 7,9 lần so với cùng kỳ. Trong đó, 18 dự án đăng ký đầu tư ra nước ngoài với tổng vốn gần 143 triệu USD, gấp 2,7 lần so với cùng kỳ, 9 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm đạt 403,2 triệu USD, gấp 25,5 lần so với năm ngoái.

Kim ngạch xuất khẩu tháng 3 cao hơn tới 1 tỷ USD so với ước tính, hàng xuất sang Hoa Kỳ tăng mạnh

Theo Tổng cục Thống kê, ước tính tháng 4/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 25,5 tỷ USD, giảm 14% so với tháng trước và tăng 44,9% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa thực hiện tháng 3/2021 đạt 29.654 triệu USD, cao hơn 1.054 triệu USD so với số ước tính. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 103,9 tỷ USD, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 30,3 tỷ USD, tăng 50,1% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa thực hiện tháng 3/2021 đạt 28.457 triệu USD, cao hơn 257 triệu USD so với số ước tính. Ước tính tháng 4/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 27 tỷ USD, giảm 5,1% so với tháng trước và tăng 43,5% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, Việt Nam nhập siêu 1,5 tỷ USD hàng hóa trong tháng 4. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 102,61 tỷ USD, tăng 30,8% so với cùng kỳ năm trước.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm nay, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 33,1 tỷ USD, tăng 47,8% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là Hàn Quốc đạt 16,9 tỷ USD, tăng 16,9%; thị trường ASEAN đạt 14,1 tỷ USD, tăng 48,2%; Nhật Bản đạt 7,2 tỷ USD, tăng 10,5%; thị trường EU đạt 5,3 tỷ USD, tăng 16,6%; Hoa Kỳ đạt 5,1 tỷ USD, tăng 7,9%.

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng 3/2021 xuất siêu 1,2 tỷ USD; quý I xuất siêu 2,79 tỷ USD; tháng Tư ước tính nhập siêu 1,5 tỷ USD. Ước tính 4 tháng đầu năm 2021 xuất siêu 1,29 tỷ USD.

Nguồn: Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Masan Group (MSN): Doanh thu quý 1/2021 tăng hơn 13% lên gần 20.000 tỷ đồng

Tập đoàn Masan (MSN) đã công bố kết quả kinh doanh quý 1/2021 với doanh thu tăng trưởng 13,3%, đạt 19.977 tỷ đồng. Trong đó, Masan Consumer (MCH) tăng trưởng 18,8%, MEATLife (MML) tăng trưởng 38,5% và Masan High-Tech Materials (MHT) tăng trưởng 178,2%, bù đắp cho doanh thu sụt giảm của VinCommerce (VCM) do đóng cửa 700 điểm bán – một phần trong kế hoạch cải thiện lợi nhuận của Công ty trong năm 2020.

Về hiệu suất, biên EBITDA trong kỳ đạt 15,7%, cao hơn so với biên EBITDA 11% vào quý 1/2020. Trong đó, biên EBITDA của VinCommerce cải thiện đạt mức 1,8%. Tại Masan Consumer Holdings và Masan MEATLife, biên EBITDA duy trì ổn định.

Hợp ĐHCĐ Khang Điền: Lãi quý I hơn 200 tỷ đồng, tăng 30% cùng kỳ

Chiều 28/4, CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền ([HoSE: KDH](#)) tiến hành họp ĐHCĐ thường niên 2021. Quý I, công ty đạt lợi nhuận hơn 200 tỷ đồng, tăng 30% cùng kỳ và hoàn thành 17% kế hoạch năm.

Năm 2020, Khang Điền ghi nhận doanh thu thuần 4.532 tỷ đồng, vượt 29% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế 1.152 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch. Đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu là kết quả bán hàng khả quan từ dự án Verosa Park và hoàn thành kế hoạch xây dựng, bàn giao vượt tiến độ Safira (TP HCM).

Đến cuối 2020, tổng tài sản công ty là 13.934 tỷ đồng, tăng 5% cùng kỳ; tiền và tương đương tiền là 1.836 tỷ, chiếm 13% tổng tài sản. Khoản phải thu là 3.539 tỷ đồng, chiếm 25% trong tổng tài sản. Hàng tồn kho 7.338 tỷ đồng, chiếm 53% tổng tài sản.

HDQT trình cổ đông mục tiêu 2021 với doanh thu 4.800 tỷ đồng, tăng 6% so với thực hiện năm trước; lợi nhuận sau thuế 1.200 tỷ đồng, tăng 4%. Cổ tức dự kiến 10%.

HDQT trình Đại hội phương án phát hành hơn 55,8 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020, tỷ lệ 10%. Đồng thời, cổ đông cũng biểu quyết thông qua phương án phát hành 8,4 triệu cổ phiếu ESOP, tỷ lệ 1,5% với giá phát hành 15.000 đồng/cp. Đối tượng phát hành là HDQT và người lao động thuộc nhóm KDH và các công ty con, dự kiến thực hiện trong năm nay.

Cơ điện lạnh (REE) báo lãi quý 1 tăng 70%, lên 471 tỷ đồng

CTCP Cơ điện lạnh (mã chứng khoán REE) công bố BCTC hợp nhất quý 1/2021 với doanh thu thuần đi ngang so với cùng kỳ, đạt gần 1.183 tỷ đồng, lãi trước thuế 538 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 471,8 tỷ đồng, tăng 69,7% so với lợi nhuận đạt được quý 1/2020, trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt gần 416 tỷ đồng. EPS đạt 1.345 đồng.

Trong cơ cấu doanh thu của công ty, doanh thu từ mảng cơ điện lạnh đạt 566 tỷ đồng, đóng góp gần 48% tổng doanh thu. Nếu so với cùng kỳ năm ngoái, mảng cơ điện lạnh giảm 100 tỷ đồng về doanh thu. Mảng kinh doanh hạ tầng điện đạt hơn 372 tỷ đồng doanh thu, đóng góp tỷ trọng 31,5% về doanh thu và tăng đến 120 tỷ đồng so với cùng kỳ tương ứng tỷ lệ tăng 48%. Mảng kinh doanh bất động sản mang về 245 tỷ đồng doanh thu, đi ngang so với cùng kỳ.

Doanh thu tài chính trong quý đạt hơn 111 tỷ đồng, tăng 45 tỷ đồng so với quý 1/2020 còn chi phí tài chính lại giảm được 33 tỷ đồng, xuống còn gần 95 tỷ đồng.

Năm 2021 Cơ điện lạnh REE đặt mục tiêu đạt 6.933 tỷ đồng doanh thu và gần 1.769 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

Nguồn: NDH, Cafef

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	MWG	Mua	04/05/21	140.9	140.9	0.0%	172	22.1%	134.6	-4.5%	Cổ phiếu nằm trong xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	LHG	Quan sát mua	04/05/21	35.95	40	Tín hiệu retest hỗ trợ tích cực với nền rút chân và đóng cửa bao phủ thân nến giảm -> khả năng sớm quay lại nhịp tăng
2	DPG	Quan sát mua	04/05/21	35.9	42-43	Nhịp điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ 35-36 với nền, vol nhỏ dần -> cần một phiên tăng tốt vượt 37.2 kèm vol cao trở lại để cho tín hiệu quay lại xu hướng tăng
3	BVH	Quan sát mua	04/05/21	57.3	63	Tín hiệu thủng hỗ trợ 58 ko quá xấu với nền, vol thấp, khả năng có thể phá vỡ giả -> cần một phiên tăng tốt vượt 59 kèm vol cao trở lại để cho tín hiệu quay lại vùng sideway

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	80.9	81.5	-0.7%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	NLG	Mua	26/04/21	36.3	34.95	3.9%	40	14.4%	33.4	-4%	
3	VSC	Mua	28/04/21	49.5	49.9	-0.8%	55	10%	47	-6%	
4	DGC	Mua	29/04/21	69.8	70	-0.3%	81.8	17%	67	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 29/04/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	7,400	1.5%	187%	20,340	54	80,900	6,212	(1,188)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,140	-0.5%	176%	26,420	67	80,900	1,126	(3,014)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	2,500	9.7%	150%	26,080	146	27,250	118	(2,382)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2018	1,200	7,060	9.0%	488%	153,080	15	58,100	7,032	(28)	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	5,700	35,400	8.6%	521%	11,710	62	58,100	32,195	(3,205)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2026	3,350	10,500	10.4%	213%	36,730	11	58,100	10,812	312	MBS	HPG	36,500	2.0	10/05/2021
CHPG2101	1,050	6,350	15.0%	505%	32,160	146	58,100	2,936	(3,414)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	21,000	10.5%	218%	16,550	67	58,100	17,261	(3,739)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	10,650	11.2%	173%	36,510	68	58,100	8,134	(2,516)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	6,800	15.3%	353%	27,210	67	58,100	4,492	(2,308)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	11,850	11.9%	295%	43,450	102	58,100	8,176	(3,674)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CKDH2001	1,400	2,270	-1.3%	62%	71,190	15	35,150	2,238	(32)	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	1,600	3,190	2.9%	99%	39,630	109	35,150	1,998	(1,192)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,400	4.4%	140%	25,850	146	35,150	524	(1,876)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CMBB2010	4,600	14,840	1.2%	223%	26,940	46	30,350	14,393	(447)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	4,850	5.4%	203%	46,100	68	30,350	2,227	(2,623)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMSN2009	1,200	3,880	-0.5%	223%	27,570	15	98,000	3,642	(238)	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2101	1,050	2,900	-1.0%	176%	12,360	146	98,000	225	(2,675)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,830	0.7%	183%	16,330	146	98,000	66	(2,764)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMWG2013	12,000	25,630	-3.6%	114%	1,650	62	140,900	22,625	(3,005)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2015	1,900	4,070	1.0%	114%	19,170	11	140,900	4,096	26	HCM	MWG	100,000	10.0	10/05/2021
CMWG2016	1,700	3,450	0.6%	103%	33,660	42	140,900	3,317	(133)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	3,350	-1.2%	40%	6,310	68	140,900	2,437	(913)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,400	0.0%	113%	9,540	95	140,900	4,338	(2,062)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	2,990	4.9%	57%	10,990	67	140,900	1,311	(1,679)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2104	2,400	4,800	-0.2%	100%	24,670	(38)	140,900	(28)	(4,828)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CNVL2003	1,000	6,950	14.9%	595%	36,840	43	131,400	6,827	(123)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	4,250	9.0%	325%	42,720	146	131,400	3,422	(828)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,170	0.9%	28%	12,070	68	98,000	2,052	(118)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	3,980	-0.5%	99%	3,420	95	98,000	3,693	(287)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	3,650	0.6%	26%	9,840	50	98,000	3,886	236	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2006	1,500	2,750	25.0%	83%	46,760	11	53,600	(0)	(2,750)	HCM	REE	66,002	4.0	10/05/2021
CREE2101	2,300	2,940	10.9%	28%	29,020	68	53,600	1,450	(1,490)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	1,970	-5.3%	79%	14,550	146	20,000	17	(1,953)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	1,500	6,500	-0.8%	333%	38,750	28	23,900	6,460	(40)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	6,060	-0.7%	451%	55,260	43	23,900	5,966	(94)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	12,050	-1.6%	217%	32,050	46	23,900	11,932	(118)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	5,300	-1.9%	430%	26,000	146	23,900	1,292	(4,008)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	7,700	-2.0%	285%	33,280	36	23,900	5,938	(1,762)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	5,600	-2.4%	300%	68,350	102	23,900	3,004	(2,596)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CTCB2012	5,400	20,010	6.4%	271%	14,970	92	41,000	19,119	(891)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	14,200	7.6%	184%	24,310	159	41,000	10,322	(3,878)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	5,300	6.0%	130%	46,920	68	41,000	2,576	(2,724)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	6,430	10.7%	122%	82,710	102	41,000	2,888	(3,542)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCH2001	1,400	670	-20.2%	-52%	103,010	15	21,700	0	(670)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2003	1,600	2,150	-3.2%	34%	15,470	109	21,700	96	(2,054)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,520	1.6%	152%	5,570	146	21,700	141	(2,379)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CVHM2008	1,400	3,150	-4.6%	125%	41,170	43	99,300	1,064	(2,086)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,090	-0.3%	181%	11,590	146	99,300	148	(2,942)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	2,300	3,680	-5.2%	60%	50,760	68	99,300	1,266	(2,414)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	3,170	-5.7%	92%	24,800	36	99,300	651	(2,519)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,560	0.9%	123%	33,940	102	99,300	438	(3,122)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVIC2005	1,500	3,430	0.6%	129%	24,430	43	131,000	2,440	(990)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	3,130	4.3%	213%	25,000	146	131,000	431	(2,699)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	4,200	4.5%	133%	9,290	36	131,000	3,121	(1,079)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVJC2006	1,000	1,390	2.2%	39%	24,240	43	124,900	703	(687)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	1,210	6.1%	10%	60,010	43	93,500	(0)	(1,210)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,400	2.1%	118%	18,480	146	93,500	0	(2,400)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	2,350	3.5%	38%	39,340	68	93,500	0	(2,350)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	2,580	3.2%	52%	27,120	50	93,500	0	(2,580)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVPB2015	5,600	32,800	13.1%	486%	26,340	92	58,500	32,640	(160)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2101	2,900	11,050	20.6%	281%	52,230	68	58,500	10,824	(226)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	10,100	9.8%	261%	60,640	36	58,500	11,538	1,438	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	11,420	20.0%	323%	37,700	102	58,500	11,109	(311)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVRE2009	1,400	1,150	-3.4%	-18%	38,140	28	32,000	219	(931)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	1,580	2.6%	5%	23,430	43	32,000	155	(1,425)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	8,450	0.0%	69%	28,540	92	32,000	4,686	(3,764)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,640	-0.4%	120%	11,420	146	32,000	230	(2,410)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,480	0.0%	38%	46,890	68	32,000	567	(1,913)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,560	0.4%	97%	42,040	102	32,000	333	(2,227)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
CTD (New)	HOSE	64,200	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
STK (New)	HOSE	32,600	41,000	28/04/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
DHG (New)	HOSE	99,800	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
PNJ (New)	HOSE	98,000	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
HPG (New)	HOSE	58,100	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT	HOSE	80,900	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
DGW	HOSE	111,500	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
VHC	HOSE	36,900	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV	UPCOM	72,500	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
MSN	HOSE	98,000	110,800	08/04/2021	2,209	1,890	16,195	13%	2%	58.7	6.9	-
ANV	HOSE	21,600	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE	HOSE	53,600	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
VNM	HOSE	93,500	128,000	01/04/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
PLX	HOSE	50,300	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT	HOSE	20,000	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC	UPCOM	35,400	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC	HOSE	31,600	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
GVR	HOSE	25,750	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
VRE	HOSE	32,000	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TCM		HOSE	110,000	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	12.5	2.0	-
MWG		HOSE	140,900	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
GAS		HOSE	83,500	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	51,800	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	34,200	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
NLG		HOSE	36,300	39,000	24/02/2021	966	3,763	26,600	14%	7%	10.4	1.5	5%
TNG		HOSE	21,300	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	74,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
GTN		HOSE	18,300	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP		HOSE	72,600	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
FRT		HOSE	27,000	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
VCB		HOSE	100,000	113,000	19/01/2021	18,436	4,971	31,498	17%	1%	22.7	3.6	0%
ACB		HOSE	34,650	32,300	19/01/2021	8,912	4,123	20,313	23%	2%	7.8	3.6	0%
TCB		HOSE	41,000	26,700	19/01/2021	15,022	4,292	25,693	18%	4%	6.5	1.1	0%
VHM		HOSE	99,300	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
KDH		HOSE	35,150	29,400	19/01/2021	1,763	3,182	17,973	19%	8%	8.5	1.5	-
SAB		HOSE	167,100	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
LHG		HOSE	35,950	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	53,300	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
PVS		HNX	20,100	16,100	19/01/2021	928	1,843	27,820	7%	3%	8.7	0.6	5%
PLX		HOSE	50,300	56,200	19/01/2021	3,917	2,905	21,808	17%	7%	19.3	2.6	30%
CTR		UPCOM	84,500	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,300	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%
GEG		HOSE	17,400	19,000	19/01/2021	383	1,184	13,017	14%	5%	16.1	1.5	-
BMP		HOSE	59,300	65,900	19/01/2021	542	6,622	32,553	20%	17%	10.0	2.0	40%
CTD		HOSE	64,200	66,000	19/01/2021	702	8,852	115,000	8%	5%	7.5	0.6	30%
VHC		HOSE	36,900	50,600	14/01/2021	892	5,134	26,696	18%	13%	9.9	1.9	-

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.